

BIỂU ĐẠT VĂN HÓA CỦA HOA VĂN ĐỘNG VẬT TRÊN TRANG PHỤC TRONG TRUYỆN KỂ DÂN GIAN THÁI THANH HÓA

Nguyễn Thị Quế¹, Hà Thị Lý², Lê Thị Thảo Nguyên², Lò Thị Phượng²,
Lò Ngọc Ánh², Lương Thị Thu²

TÓM TẮT

Nguồn truyện kể dân gian của người Thái ở Thanh Hóa đã cung cấp chủ đề hoa văn trên trang phục khá phong phú, giàu ý nghĩa, góp phần phản ánh đời sống văn hóa độc đáo của tộc người. Trong đó, những hoa văn động vật xuất hiện trong truyện kể khá đa dạng và đặc sắc, từ hoa văn động vật nhóm thú, thần thú như rồng, khỉ, voi, hổ... cho đến các con vật khác như chim, cua, ếch... có liên quan và ảnh hưởng tới đời sống con người. Những hoa văn xuất hiện trong truyện kể là những biểu tượng văn hóa, mang giá trị biểu tượng chuyển tải đời sống tinh thần sâu sắc, tín ngưỡng tâm linh, thể hiện sự tôn thờ thiên nhiên và hài hòa với vũ trụ, sự kết nối giữa con người và thiên nhiên trong mọi hoạt động của cộng đồng trong lịch sử của người Thái.

Từ khóa: Văn hóa, hoa văn trên trang phục, truyện kể, người Thái, Thanh Hóa.

DOI: <https://doi.org/10.70117/hdujs.3030-4652.87.5.2026.932>

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong hệ thống hoa văn trên trang phục người Thái ở Thanh Hóa: Hoa văn kỷ hà, hoa văn động vật và hoa văn thực vật... thì hoa văn động vật chiếm tỉ lệ lớn, phản ánh mối quan hệ mật thiết giữa con người với tự nhiên; phản ánh những đặc trưng của nền văn hóa nông nghiệp lúa nước nói chung và đặc trưng của văn hóa tộc người Thái ở Thanh Hóa nói riêng. Hoa văn động vật không chỉ tái hiện thế giới sinh động của núi rừng mà còn mang ý nghĩa biểu tượng; từ những loài vật linh thiêng như rồng, voi, ngựa, khỉ... thể hiện sức mạnh, vương quyền, sự giàu có, tình mẫu tử... đến các loài nhỏ như chim, cua, ếch... giản dị mà đậm triết lý nhân sinh gắn với đời sống thường nhật. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi tập trung nghiên cứu biểu đạt văn hóa của các hoa văn động vật thuộc nhóm thú được dệt trên trang phục qua truyện kể dân gian của người Thái ở Thanh Hóa (nguồn tư liệu nhóm nghiên cứu điền dã sưu tầm năm 2025).

2. HƯỚNG TIẾP CẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Hướng tiếp cận

Bài viết tiếp cận theo hướng liên ngành để nhận diện một cách khá đầy đủ về giá trị của biểu tượng hoa văn trên trang phục trong truyện kể của người Thái ở Thanh Hóa.

¹ Khoa Khoa học Xã hội, Trường Đại học Hồng Đức; Email: nguyenthique@hdu.edu.vn

² Sinh viên lớp K25 ĐHSP Ngữ Văn CLC, khoa Khoa học Xã hội, Trường Đại học Hồng Đức

2.2. Các phương pháp nghiên cứu

Phương pháp điền dã: tiến hành khảo sát, thực tế sưu tầm các truyện kể tồn hiện trong dân gian về hoa văn trên trang phục của người Thái cư trú ở một số xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Trên cơ sở các nguồn truyện kể, bài viết sử dụng *phương pháp phân tích văn bản* nhằm giải mã các biểu tượng hoa văn trong truyện kể.

Phương pháp nghiên cứu liên ngành: Bài viết sử dụng kết hợp các ngành văn học, lịch sử, địa lý, nhân học văn hóa... để khai thác và có cái nhìn toàn diện ý nghĩa của hoa văn trên trang phục của người Thái ở Thanh Hóa.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Một vài nét về trang phục của người Thái

Tại Thanh Hóa, cộng đồng người Thái sinh sống chủ yếu ở các huyện (cũ) Quan Hóa, Quan Sơn, Mường Lát, Bá Thước, Lang Chánh, Thường Xuân... Tộc người Thái sáng tạo và lưu giữ một kho tàng văn hóa đồ sộ; trong đó chữ viết đã trở thành một di sản văn hóa, đóng vai trò như một “kho tư liệu sống” của họ giữa núi rừng xứ Thanh. Bên cạnh đó, một trong những thành tố của văn hóa mang đậm bản sắc văn hóa Thái là văn hóa mặc - văn hóa ứng phó với môi trường tự nhiên qua trang phục.

Trang phục truyền thống của người Thái được hình thành trên cơ sở tự nhiên và văn hóa xã hội khác nhau. Trong sinh kế tộc người, nghề trồng bông, trồng dâu, nuôi tằm, dệt vải phục vụ cho cuộc sống đã gửi gắm những câu chuyện văn hóa của người Thái vào các hoa văn trên thổ cẩm... trên trang phục của con người. Trang phục của người Thái ngoài chia theo ngành Thái đen, Thái trắng còn chia theo giới tính. Trang phục của phụ nữ gồm: áo xửa côm (có hàng cúc bạc hoặc áo dài tay, cổ tròn), váy (tiếng Thái gọi là xín) may dài màu đen với họa tiết thổ cẩm ở cạp và chân váy, kết hợp với thắt lưng, khăn piêu, nón cụp và các phụ kiện trang sức như vòng cổ, vòng tay và xà tích. Trang phục của nam giới gồm: áo lơ dài hoặc ngắn, quần ống rộng, đội khăn hoặc mũ, chủ yếu với các gam màu tối như chàm, tím, nâu và đen. Trong lễ hội, mọi người mang trang phục với họa tiết hoa văn rực rỡ, tỉ mỉ, công phu và tinh tế hơn ngày thường. Không chỉ vậy, người Thái ở Thanh Hóa còn có trang phục dành riêng cho các ông mo dùng trong các nghi lễ cúng tế.

Hoa văn dệt trên vải và trang phục thể hiện sự khéo léo, là tiêu chí chấm điểm con gái Thái. Vì vậy, tục ngữ Thái đã đúc kết: “Nhính dệt phại, chái xan he” (gái dệt vải, trai đan chài), nên việc dệt thổ cẩm được coi như là thiên chức của người phụ nữ Thái; nên có những cô gái dệt vải khéo léo, điêu luyện tới mức: “Khoặm mư pên lai, hai mư pên bóok” (Úp bàn tay nên hoa, ngựa bàn tay thành bông). Các loại hoa văn trên trang phục được lưu giữ cả dạng vật thể và dạng ngôn từ qua các câu chuyện lưu truyền trong dân gian mang giá trị biểu đạt văn hóa, quan trọng hơn cả là trở thành các biểu tượng văn hóa của dân tộc Thái ở Thanh Hóa.

3.2. Giá trị biểu đạt của hoa văn trên trang phục trong truyện kể của người Thái ở Thanh Hóa

3.2.1. Hoa văn hình con rồng (náng hông, nàng ngược)

Biểu tượng con rồng trong văn hóa dân gian người Thái ở Thanh Hóa mang nhiều tầng nghĩa phong phú, gắn liền với vũ trụ quan, nhân sinh quan và đời sống tín ngưỡng của cộng

đồng. Thông qua ba truyện kể: *Con rồng hai đầu*, *Truyện con rồng* và *Con rồng cắt đuôi* [10] hình ảnh con rồng hiện lên không chỉ như một linh vật huyền thoại mà còn mang ý nghĩa biểu tượng khác.

Trong truyện *Con rồng hai đầu*, hình ảnh rồng hai đầu mang ý nghĩa biểu tượng rõ rệt về mối liên kết giữa con người với trời đất, thể hiện rõ quan niệm vũ trụ và sự cân bằng âm dương trong văn hóa tâm linh của người Thái. Con rồng được khắc họa với hai đầu: một đầu hướng trời và một đầu hướng xuống đất là biểu tượng cho mối liên kết chặt chẽ giữa trời và đất, giữa thần linh và con người, thể hiện một thế giới quan mang tính tổng hòa, hài hòa âm dương, thống nhất vạn vật. Hai đầu rồng tuy là hai cá thể nhưng lại chung một thân thể quán chung một ruột, tượng trưng cho sự thống nhất, cho niềm hạnh phúc, sự hòa hợp. Đầu rồng hướng lên trời thể hiện khát vọng được thần linh che chở, ban phúc, trong khi đầu hướng đất khẳng định sự gắn bó với cuộc sống trần thế, với mùa màng và lao động nông nghiệp. Khi hạn hán xảy ra, thần rồng đã dùng phép thuật làm mưa, cứu cả bản làng. Vì vậy, hoa văn rồng hai đầu vừa là biểu tượng của hạnh phúc, hòa hợp; vừa gắn với biểu tượng của uy quyền siêu phàm, của sức mạnh siêu nhiên.

Hoa văn hình rồng trong truyện kể *Truyện con rồng* (Náng ngược) mang ý nghĩa sâu sắc của thần thủy và thần hộ mệnh trong tín ngưỡng bản địa. Rồng sinh ra từ trứng trong đồng kép rượu - một chi tiết huyền ảo thể hiện sự thần hóa tự nhiên, gọi lên quan niệm coi các hiện tượng thiên nhiên là linh thiêng và có linh hồn. Sự chuyển hóa từ rắn thành rồng phản ánh quá trình thần linh hóa những loài vật quen thuộc trong đời sống, phù hợp với tín ngưỡng đa thần của cư dân Đông Nam Á. Trong truyện, rồng không chỉ mang vẻ ngoài kỳ ảo mà còn đảm nhận vai trò thiết yếu trong việc điều hòa nước - một yếu tố sống còn trong xã hội nông nghiệp. Việc rồng nhả nước, tạo suối biểu trưng cho quyền năng điều tiết thủy lợi, bảo vệ mùa màng, từ đó khẳng định vị trí của rồng như một thần linh gắn bó mật thiết với đời sống nông dân. Không dừng lại ở đó, hành động hai con rồng cứu cha, chế ngự mưa gió, sấm sét còn thể hiện vai trò hộ mệnh - trấn áp các thế lực tà ác, bảo vệ cộng đồng, đồng thời gợi mở mối liên hệ giữa con người với vũ trụ qua yếu tố âm - dương. Rồng là biểu tượng của uy quyền, cho sự linh thiêng và sức mạnh trong việc điều tiết nước. Không chỉ vậy, với chi tiết người dân lập đền thờ rồng, tổ chức lễ cúng cầu mưa, cầu mùa càng khẳng định chức năng tôn giáo của biểu tượng này. Trong bối cảnh đó, hoa văn rồng trở thành hiện thân của niềm tin vào một linh vật có khả năng “hộ quốc an dân”. Nó mang sức mạnh huyền thoại, phi thường và khả năng điều phối tự nhiên, phản ánh rõ nét thế giới quan và tín ngưỡng của cư dân nông nghiệp cổ truyền. Vì lẽ đó, hoa văn trên trang phục chỉ dành cho dòng dõi lang đạo, lớp người quyền quý trong xã hội.

Trong truyện *Rồng cắt đuôi*, rồng không chỉ là linh vật thiêng liêng mà còn là biểu tượng gắn liền với hành trình sinh - tử - hiển thân đầy xúc động, để lại dấu ấn sâu đậm trong đời sống tâm linh dân gian. Xuất hiện từ một quả trứng lạ, rồng mang nguồn gốc siêu nhiên, thể hiện quan niệm “thần sinh” - sinh linh không phải do người sinh ra mà từ cõi linh thiêng gửi đến, nơi các sinh thể kỳ lạ thường được coi là sứ giả của trời đất. Được cha mẹ nuôi nấng như con ruột, rồng gắn bó với con người không chỉ bằng tình yêu mà còn bằng số phận. Chi tiết rồng bị cắt đuôi vì tai nạn lúc cha khai hoang gợi nên tầng nghĩa sâu xa: vết thương của thiên nhiên do bàn tay con người gây ra. Tuy nhiên, thay vì oán trách, rồng tiếp tục hiển thân

cho cộng đồng, chiến đấu chống giặc và hy sinh. Mặc dù tử trận do cha mẹ lỡ gọi tên, rồng vẫn không quên báo hiếu - hằng năm gửi đàn cá lớn về khi mùa nước lên. Câu chuyện mang đậm tính nhân văn, đề cao giá trị của tình cảm gia đình, tinh thần chiến đấu và sự gắn kết thiêng liêng giữa rồng - con người - thiên nhiên. Đây là biểu tượng của lòng trung hiếu, sự vị tha, thể hiện rồng không chỉ là linh vật quyền năng mà còn có phẩm chất đạo đức - biết ơn, biết trả nghĩa. Chi tiết rồng hóa thân thành linh vật gửi cá về giúp dân còn là một hình thức “linh ứng” phổ biến trong văn hóa dân gian, cho thấy rồng tuy mất đi về thể xác nhưng vẫn hiện diện trong đời sống tâm linh của người dân, bảo hộ và ban phúc. Như vậy, rồng cụt đuôi trong truyện không chỉ là linh vật kỳ ảo mà còn là hiện thân của một hệ giá trị văn hóa: từ tín ngưỡng “thần sinh”, đến đạo lý tri ân - báo hiếu. Hình tượng này khắc họa rõ nét một thế giới quan nông nghiệp - tâm linh sâu sắc của người dân bản địa.

Có thể thấy, hình tượng rồng qua ba truyện kể trên không chỉ là linh vật huyền thoại mà còn là biểu tượng đa tầng, đa nghĩa, kết tinh những giá trị sâu sắc về vũ trụ quan, nhân sinh quan và tín ngưỡng dân gian. Rồng hiện lên vừa là hiện thân của tự nhiên - với quyền năng điều tiết mưa gió, cứu hạn, bảo vệ mùa màng - vừa là biểu tượng của sự sống, sức mạnh và lòng trung hiếu. Dù ở dạng rồng hai đầu, rồng hóa từ rắn, hay rồng cụt đuôi, thì mỗi hình thái đều chuyển tải một hệ giá trị văn hóa đặc thù: niềm tin vào sự hài hòa âm dương, lòng biết ơn và đạo lý tri ân - báo hiếu. Biểu tượng rồng trong văn hóa dân gian không tách rời khỏi đời sống cộng đồng mà luôn gắn bó mật thiết với con người, đất đai, mùa màng và tâm linh.

Với những ý nghĩa sâu sắc, biểu tượng rồng đã được thêu dệt vào trong trang phục của người dân tộc Thái ở Thanh Hóa là hoa văn được trang trí phổ biến trên trang phục. Hoa văn hình rồng hai đầu gắn liền với tục ăn hỏi của người dân Thái; đó là khi con gái về nhà chồng, cha mẹ thường chuẩn bị cho con những bộ chăn, màn, đệm... có thêu rồng hai đầu biểu trưng cho hạnh phúc lứa đôi. Bởi vậy, hoa văn rồng hai đầu thường được dệt nhiều ở trang phục cưới và chăn màn cưới của người Thái.

Họa tiết hình rồng thường được thêu dệt và trang trí trên váy của phụ nữ dân tộc Thái, ở bộ phận phần giữa của cặp váy gọi là rang dưới. Người Thái cũng thêu hồn hoa văn hình rồng vào vải một cách độc đáo với quan niệm màu trắng là màu tượng trưng cho trời, màu vàng tượng trưng cho mùa màng bội thu, màu đỏ tượng trưng cho sự hy sinh, cống hiến và mạnh mẽ. Như vậy, hình rồng màu trắng tượng trưng cho sự thiêng liêng, cao quý của trời; rồng màu vàng tượng trưng cho sự ấm no, hạnh phúc, sung túc và đủ đầy; hình rồng màu đỏ tượng trưng cho sự hy sinh, xả thân để bảo vệ làng bản. Cũng chính vì những ý nghĩa đó, trong quan niệm xưa về đời sống sinh hoạt của dân tộc Thái, hình rồng chỉ được dệt để trang trí trên trang phục của những dòng tộc quyền quý, những nhà lang đạo... Nhìn vào cặp váy của phụ nữ Thái, người ta dễ dàng nhận ra gia thế và địa vị trong xã hội của người đó. Đây cũng là một cách để người xưa phân biệt tầng lớp, cấp bậc trong xã hội. Tuy nhiên, ngày nay, đời sống nhân dân cải thiện, con người được bình đẳng, hình rồng được trang trí rộng rãi và phổ biến trên nhiều đối tượng và còn nguyên ý nghĩa giá trị.

Có thể nói, hình rồng không phải là một hoa văn xa lạ trong văn hóa nghệ thuật của Việt Nam, đó là truyền thuyết *Con rồng cháu tiên* của người Kinh lí giải sự ra đời của đồng bào các dân tộc Việt Nam, là cội nguồn dân tộc, hay là hoa văn trên mặt trống đồng Đông Sơn đã có từ cổ xưa thể hiện sự hòa hợp giữa con người với thiên nhiên, là hoa văn được

thêu dệt trên long bào của bao triều đại với sức mạnh quyền uy. Như vậy, rồng trong văn hóa Việt không chỉ là một linh vật huyền thoại, mà còn là biểu tượng của hồn dân tộc, của vương quyền, của tự nhiên và lòng người. Trong tương quan so sánh và đối chiếu với biểu tượng rồng của nền văn hóa truyền thống Việt Nam, biểu tượng hoa văn con rồng của người dân tộc Thái tuy có mang những ý nghĩa và màu sắc tâm linh khác nhau, nhưng nhìn chung, người Thái đã có sự kế thừa, tiếp thu nền văn hóa dân tộc, trên cơ sở đó sáng tạo ra một biểu tượng văn hóa giàu bản sắc. Chính vì thế, hoa văn rồng của người Thái ở Thanh Hóa không chỉ là một yếu tố thẩm mỹ mà còn là biểu tượng của kỷ ức, niềm tin và bản sắc văn hóa được cộng đồng gìn giữ và truyền lại qua nhiều thế hệ.

3.2.2. Hoa văn hình đầu con hổ (lai hòa sừ)

Trong truyện dân gian *Con hổ* (lai sừ, lai hòa sừ) [10] của người Thái, con hổ hiện lên không phải như loài vật hung dữ thường thấy trong tự nhiên, mà mang một biểu tượng tâm linh thiêng liêng và quyền uy tối thượng, gắn bó mật thiết với vai trò của thầy mo, thầy cúng - những người làm nhiệm vụ kết nối giữa cõi sống và cõi chết, giữa con người và thần linh. Biểu tượng hổ trong truyện được giải mã qua nhiều lớp nghĩa: sức mạnh và quyền năng; sự bảo đảm và an toàn tâm linh.

Trước hết, con hổ là hiện thân của sức mạnh siêu nhiên và quyền năng linh thiêng. Không phải là hổ rừng bình thường, con hổ trong truyện là “sừ phi” - hổ trời, sinh ra từ đất và lửa, với mắt đỏ rực như than hồng và thân thể ánh bạc lấp lánh, mang vẻ đẹp vừa oai nghiêm vừa siêu thực. Hổ không gầm thét, nhưng chỉ cần bước ra từ bóng tối cũng đủ khiến quỷ thần nể sợ. Điều này cho thấy uy lực của linh vật, một biểu tượng cho sức mạnh tâm linh vượt lên trên thực tại vật chất. Hổ chỉ xuất hiện trong những nghi lễ quan trọng - khi thế giới con người và thần linh đang giao thoa. Sự giới hạn này góp phần tạo nên tính chất linh thiêng, gợi lên cảm giác kính sợ, thần bí.

Con hổ còn là bạn đồng hành và người bảo hộ của thầy mo trong hành trình đầy hiểm nguy qua thế giới vô hình. Hành trình làm lễ không chỉ là nghi lễ mang tính hình thức, mà là chuyến đi thực sự qua cõi âm, nơi đầy rẫy “yêu tà, vong linh lang thang, thậm chí thần giận dữ”. Trên đường đi ấy, con hổ không chỉ dẫn đường mà còn là lá chắn và chiến binh bảo vệ, là sức mạnh duy nhất có thể đối đầu với thế lực siêu nhiên. Khi “gầm lên một tiếng, cả quỷ thần cũng phải khiếp sợ mà lánh đường”, hổ không chỉ bảo vệ thầy mo mà còn giữ cho trật tự giữa hai cõi được vững vàng. Qua đó, hổ trở thành biểu tượng của niềm tin, sự bảo đảm và an toàn tâm linh trong đời sống cộng đồng.

Người Thái ở xứ Thanh luôn dệt hình hổ trên áo lễ, khăn gọi vía, tấm vải cúng như một cách triệu hồi hổ thiêng, giữ liên kết với linh hồn hộ mệnh. Hổ từ đó không chỉ là vật linh, mà là một phần trong kỷ ức văn hóa tập thể, là bản thể biểu tượng của sức mạnh bảo vệ, tâm linh và truyền thống. Con hổ trở thành biểu tượng văn hóa đặc trưng, phản ánh tín ngưỡng bản địa và thế giới quan phong phú của người Thái, nơi con người luôn sống hòa hợp và kính trọng những thế lực vô hình của rừng thiêng, núi cao.

Qua việc thầy mo không thể tự ý quay về, mà bắt buộc phải được hổ đưa trở lại đúng nơi khởi hành “đứng mảnh chiếu thầy ngồi lúc khẩn”, nhấn mạnh mối liên kết sinh tử giữa con người và thế giới vô hình, và vai trò không thể thay thế của con hổ trong hành trình tâm

linh. Nếu thiếu hổ, thầy mo có thể bị lạc linh hồn, thậm chí mất trí, chết oan. Đây là lời cảnh báo nhẹ nhàng mà sâu sắc về giới hạn của con người trước những lực lượng siêu nhiên, đồng thời cho thấy con hổ như vị thần hộ mệnh - giữ linh hồn con người khỏi rơi vào hỗn loạn và lạc lối. Vì vậy, hổ mang vai trò thần giữ cửa, là chìa khóa cho sự trở về an lành sau lễ.

Từ những ý nghĩa ấy, ngày nay, biểu tượng con hổ đã được thêu dệt nên những hoa văn hình đầu hổ xuất hiện khá nhiều trên trang phục dân tộc Thái. Hoa văn con hổ thường được dệt bằng những sợi vải trắng có ý nghĩa cao quý, uy quyền, thể hiện bậc tôn nghiêm của bề trên, kết hợp với nền màu đen của đất biểu tượng của sự vững chãi, bền bỉ và gắn bó với cội nguồn. Sự kết hợp giữa hai gam màu này không chỉ tạo nên vẻ đẹp hài hòa mà còn thể hiện quan niệm âm dương, trời đất hòa hợp, con người sống thuận theo tự nhiên. Ngoài ra, xung quanh hình con hổ là những họa tiết béc bài (hoa mây) tạo hàng rào bảo vệ, như một tấm bùa thiêng bao bọc lấy năng lượng mạnh mẽ của con hổ, giữ cho nó không bị phân tán, đồng thời cũng ngụ ý che chở cho người mặc, người sử dụng khỏi tà khí. Có lẽ vì thế mà hoa văn này được dệt trên khăn áo lễ và trong những tấm khăn, tấm vải trong các tục ma chay, gọi hồn, gọi vía,... và đặc biệt, đối với mỗi thầy cúng, thầy mo đều đeo bên mình chiếc túi có thêu hoa văn *lai hùa sừa*.

Không đơn thuần mang ý nghĩa trừ tà trong đám ma, hình đầu hổ xuất hiện trên vải làm vía như một vị thần hộ mệnh dẫn lối linh hồn người đã khuất, giúp họ không bị lạc đường, không bị các vong linh xấu xâm hại. Không chỉ là hình ảnh quen thuộc trong nghi lễ, hoa văn con hổ còn là một phần không thể thiếu trong đời sống tinh thần của cộng đồng.

3.2.3. Hoa văn hình con voi (náng trạng)

Trong truyện dân gian *Khau Voi* [10] của người Thái ở bản Sơn Hà, Thanh Hóa, hình ảnh con voi không chỉ là một loài vật đơn thuần, mà mang đậm tính biểu tượng văn hóa, linh thiêng và nhân bản. Qua câu chuyện về con voi già sống bên bản làng, người Thái đã gửi gắm vào đó những giá trị tinh thần sâu sắc thể hiện mối quan hệ gắn bó, hòa hợp giữa con người và thiên nhiên, cũng như những quan niệm về sức mạnh, sự bền bỉ và linh hồn cộng đồng. Hoa văn hình con voi được dệt vào trang phục với nhiều tầng ý nghĩa:

Voi - Biểu tượng của người bạn thủy chung, gắn bó với bản làng. Ngay từ khi câu chuyện bắt đầu, voi đã xuất hiện như một người bạn đồng hành, gắn bó với cộng đồng người Thái từ thuở lập bản dựng làng. Không chỉ là một loài vật hỗ trợ con người trong lao động, voi còn là thành viên không thể thiếu trong đời sống hàng ngày. Voi giúp người dân kéo gỗ, mở đường, đắp đất, chở củi, và thậm chí là bạn chơi của trẻ con, là bạn đồng hành của người già. Cách gọi thân mật “cú ban, cú bá” (bạn tri kỷ) cho thấy mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa con người và voi.

Voi - Biểu tượng của sức mạnh và sự kiên nhẫn, bền bỉ. Truyện kể tái hiện hình ảnh voi to lớn nhưng không hề thể hiện sự hung dữ mà luôn gần gũi luôn giúp đỡ con người. Hình ảnh chiếc vòi “nhẹ nhàng nâng từng thân cây” là một biểu tượng đẹp cho sự kết hợp giữa sức mạnh và sự dịu dàng. Sức mạnh của voi không phải là sự tàn phá, mà là một dạng sức mạnh kiên nhẫn, trầm lắng, giúp đỡ cộng đồng vượt qua mọi thử thách trong cuộc sống. Điều này cho thấy hình ảnh voi là biểu tượng cho kiểu sức mạnh nhân văn, bền bỉ nhưng không phá hủy.

Voi - Biểu tượng của sự trường tồn. Voi đã sống cùng dân bản trong suốt nửa đời người, giúp đỡ họ trong mọi công việc, từ xây dựng nhà cửa cho đến chở củi, kéo đá. Khi voi chết, cả bản làng như mất đi linh hồn của mình. Những lời của ông trưởng bản “cái nhà tao đang ngồi đây cũng là nó giúp mà lên” không chỉ là hồi tưởng, mà là sự khẳng định voi đã trở thành một phần của di sản tinh thần, của ký ức cộng đồng.

Mặc dù đã chết, con voi không hoàn toàn rời khỏi thế giới vật chất mà kiến tạo địa danh: dốc Khau Voi, nơi voi gục xuống trở thành một địa danh linh thiêng, nơi người dân truyền tai nhau rằng có thể nghe thấy tiếng bước chân nặng nề của voi trong gió, hay nhìn thấy bóng dáng voi dưới ánh trăng. Câu chuyện này thể hiện niềm tin vào một linh hồn hộ mệnh, luôn canh giữ bản làng. Mỗi khi đứng trên dốc Khau Voi, người dân Sơn Hà cảm nhận sự hiện diện của voi như một vị thần bảo hộ vô hình, là sự kết nối giữa thế giới thực và thế giới linh thiêng. Chính lẽ đó, hoa văn con voi trên trang phục còn là biểu tượng của sự trường tồn.

Hoa văn voi xuất hiện trong các nghi lễ quan trọng của cộng đồng như lễ cưới, lễ dựng nhà mới, lễ mừng cơm mới. Hoa văn này được dệt lên áo, khăn hay chăn màn không chỉ là để trang trí, mà còn thể hiện sự tôn vinh voi như một linh vật hộ mệnh, biểu tượng của phúc lành, sự che chở và bình an. Người Thái tin rằng voi có khả năng bảo vệ và mang lại sức mạnh, điều này thể hiện rõ qua việc đặt trẻ nhỏ lên lưng voi để “cầu sức mạnh”. Hình ảnh voi đã trở thành một phần không thể thiếu trong các nghi lễ thiêng liêng, gắn bó với đời sống tinh thần và tâm linh của cộng đồng.

Hoa văn voi không chỉ là một họa tiết trang trí giàu giá trị nghệ thuật tinh xảo được dệt trên từng thớ vải, mà còn là minh chứng sống động cho tinh thần và lòng tự hào của một dân tộc. Nó gợi nhớ công ơn của loài voi - người bạn tri kỷ đồng hành cùng con người từ thuở sơ khai, giúp xây dựng tổ ấm và khai phá thiên nhiên khắc nghiệt. Qua đó, hoa văn voi không chỉ khắc họa nét đẹp thẩm mỹ mà còn nuôi dưỡng tinh thần đoàn kết, sẻ chia và bảo tồn di sản tâm linh của cộng đồng, tiếp nối truyền thống của tổ tiên và truyền đạt niềm tin vào một tương lai hài hòa, phồn vinh.

3.2.4. Hoa văn hình con ngựa (Náng mã)

Hoa văn hình ngựa (lai nàng mã) cũng là một trong số những hoa văn nổi bật của cả người dân tộc Thái ở Thanh Hóa. Hoa văn con ngựa thường được dệt trên những chiếc túi, trên chăn màn, gối, khăn và cặp váy... Người ta truyền tai nhau rằng: “Con ngựa là con vật rất có ích trong đời sống cộng đồng người dân tộc thiểu số sống trên rẻo cao, ngựa đã giúp con người vận chuyển đồ đạc và là phương tiện đi lại chủ yếu thời xa xưa” [10]. Người Thái sống rất tình cảm và luôn quý trọng những con vật đã giúp đỡ cuộc sống của họ. Vì vậy, các cô gái Thái đã khéo léo dệt lên những tấm vải bông mềm mại những con ngựa với nhiều màu sắc đa dạng để tỏ lòng biết ơn công lao của loài vật này. Hoa văn hình con ngựa trên trang phục dân tộc mang ý nghĩa sâu sắc về văn hóa, tín ngưỡng và đời sống của người Thái và người Mường, tượng trưng cho sự trung thành, mạnh mẽ và bền bỉ, thể hiện khát vọng vươn lên trong cuộc sống. Trong tín ngưỡng dân gian, ngựa còn là loài vật linh thiêng, mang ý nghĩa cầu may mắn, bình an và sự che chở. Đồng thời, vì từng là phương tiện di chuyển của tầng lớp quý tộc và giàu có, họa tiết ngựa cũng thể hiện mong ước về cuộc sống sung túc, đủ đầy nên xưa kia, hoa văn con ngựa cũng chỉ được thêu dệt trên trang phục của những người có quyền, có thế trong xã hội.

Hoa văn hình con ngựa trên trang phục của người dân tộc Thái ở Thanh Hóa luôn đi liền với hoa văn Náng tiền (Náng tiên), kết hợp với sắc xanh mang nghĩa hòa bình, thịnh vượng; màu vàng bội thu, no ấm, sang giàu cùng với màu trắng cao quý, tạo nên tổng thể hài hòa giữa yếu tố linh thiêng và khát vọng sống. Hoa văn ngựa không chỉ thể hiện niềm tin vào sức mạnh siêu nhiên mà còn là biểu tượng cho hành trình, sự bền bỉ và lòng trung thành. Khi kết hợp với hoa văn Náng tiền – biểu tượng của vẻ đẹp, sự thuần khiết và phúc lộc, chúng trở thành lời cầu chúc cho cuộc sống an lành, sung túc và tràn đầy hy vọng, đồng thời phản ánh chiều sâu tín ngưỡng và thẩm mỹ trong văn hóa dệt của người Thái xứ Thanh.

3.2.5. Hoa văn hình con khi

Hoa văn hình con khi trên trang phục của trẻ con Thái được giải thích qua truyện *Con khi* (tồ linh, tồ căng), truyện rằng: Vào một năm trời hạn hán, đói kém, bản Thái rơi vào cảnh cùng cực, có gia đình nọ đông con, trong một lần làm cơm mới cúng tổ tiên, vì đói nên những đứa con đã bốc ăn mà quên không rửa tay. Bà mẹ thấy vậy đã lấy đĩa đập vào tay các con có ý nhắc nhở nhưng những đứa con biến thành khi và nhảy tót vào rừng. Từ đó, ngày nào bên khung cửi bà mẹ cũng dệt những hoa văn hình khi để vui nỗi nhớ thương con [10].

Câu chuyện buồn của người mẹ mất con và nỗi nhớ luôn thường trực đã gửi vào khung cửi, vào chỉ, vào màu bằng tình yêu vô tận để dệt nên con khi. Sau khi các con hóa thành khi, người mẹ chỉ biết dệt hình khi vào điệu, vào áo, vào khăn của trẻ con như một cách giữ lấy hình bóng các con trong ký ức. Đây là chi tiết cảm động thể hiện tình yêu thương khắc khoải của người mẹ, đồng thời cũng cho thấy hình ảnh con khi lúc này không chỉ là loài vật hoang dã, mà là đứa con thơ trong sự mất mát và nỗi đau không thể nguôi ngoai của người mẹ. Trước hết, hoa văn hình con khi là biểu tượng của sự mất mát, của nỗi đau mất con và sau là biểu tượng cho tình yêu thương con vô bờ, cho tình mẫu tử thiêng liêng. Hành động dệt hình con khi là cách người mẹ “ôm con vào lòng” với tình yêu thương da diết và nỗi nhớ con khôn nguôi. Từ đó, hoa văn hình con khi được dệt vào trang phục truyền thống, nhất là trang phục cho trẻ em như một biểu tượng của tình mẫu tử thiêng liêng.

4. KẾT LUẬN

Trang phục của người Thái dệt thêu các họa tiết hoa văn vừa tái hiện một phần cuộc sống bình dị miền sơn cước, vừa chứa đựng những giá trị văn hóa truyền thống của tộc người. Những truyện kể đã lý giải nguồn gốc hoa văn, lý do vì sao con người lại yêu quý và thêu dệt các hoa văn đó trên vải nói chung và trang phục nói riêng. Trong đời sống của người Thái, các con vật có thể ảnh hưởng từ phương diện đời thường qua lao động, sinh hoạt; có những con vật ảnh hưởng từ đời sống tinh thần, từ niềm tin, kính ngưỡng... và quan trọng, người Thái đã trân trọng tất cả những con vật đó, muốn khắc ghi dấu ấn, sự tri ân, nhớ thương vào từng tác vải. Từ hành động đơn giản mà ý nghĩa ấy, các hoa văn động vật được dệt vào trang phục đã nâng tầm thành biểu tượng và trở thành tín hiệu, thành căn cước định danh văn hóa tộc người. Hoa văn trên trang phục trong các truyện dân gian của người Thái ở Thanh Hóa kết nối giữa con người và thiên nhiên, tôn vinh những giá trị truyền thống, và là biểu tượng của sức mạnh, cho quyền lực, cho sự bảo trợ con người, cho sự giàu có, cho tình yêu thương vô hạn... trong đời sống cộng đồng. Bên cạnh đó, nó còn phản ánh thế giới quan, nhân sinh quan, những tín ngưỡng bản địa mang đậm bản sắc dân tộc Thái.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Đại Đồng (2007), *Trang phục cổ truyền của người phụ nữ dân tộc Thái huyện Thường Xuân* (Thanh Hóa), Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Thái Nguyên.
- [2] Mai Thị Hồng Hải (2016), *Trang phục truyền thống của người Thái ở Thanh Hóa và Tây Bắc*, Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, số 383, <https://vanhoanghethuat.vn/trang-phuc-truyen-thong-cua-nguoi-thai-o-thanh-hoa-va-tay-bac-77748195.html>
- [3] Đỗ Thị Hòa (2004), *Trang phục các dân tộc thiểu số nhóm ngôn ngữ Việt - Mường và Tày - Thái*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
- [4] Hoàng Lương (2003), *Hoa Văn Thái*, Nxb. Lao động, Hà Nội.
- [5] Nguyễn Thị Ngân (2016), *Hoa văn trên đồ dệt của một số tộc người ở Việt Nam*, Tạp chí Di sản văn hóa vật thể, số 3 (56), tr.65-72.
- [6] Ngô Đức Thịnh (1994), *Trang phục cổ truyền các dân tộc Việt Nam*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
- [7] Ngô Đức Thịnh, Diệp Trung Bình (chủ biên) (2012), *Trang phục cổ truyền và hoa văn trên vải các dân tộc Việt Nam*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
- [8] Lê Ngọc Thắng (1990), *Nghệ thuật trang phục Thái*, Nxb. Văn hóa Dân tộc - Trung tâm Văn hóa Việt Nam, Hà Nội.
- [9] Tỉnh ủy - Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa (2004), *Địa chí Thanh Hóa*, tập II Văn hóa xã hội, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội. Tái bản lần thứ nhất có chỉnh sửa, bổ sung, năm 2004.
- [10] Tài liệu điền dã năm 2025 của nhóm nghiên cứu trên địa bàn một số xã ở huyện Quan Hóa, Quan Sơn, Thường Xuân, Bá Thước (cũ).

CULTURAL EXPRESSION FROM THE FOLKTALES OF ANIMAL PATTERNS ON COSTUMES OF THE THAI PEOPLE IN THANH HOA

Nguyen Thi Que, Ha Thi Ly, Le Thi Thao Nguyen, Lo Thi Phuong, Lo Ngoc Anh, Luong Thi Thu

ABSTRACT

The folktales of the Thai people in Thanh Hoa provide a diverse array of symbolic patterns for traditional attire, thereby elucidating the distinct cultural landscape of this ethnic group. Among them, animal patterns are notably diverse and vivid, ranging from mammals to mythical creatures-such as tigers, monkeys, elephants, and dragons-to other popular animals like bird, crabs and frog, etc. all of which bear relevance to human life. The animal patterns that appear in these folktales represent symbolic cultural expressions, conveying profound spiritual values and religious beliefs. They reflect a reverence for nature and a harmonious relationship with the universe, embodying the connection between humans and nature in the cultural and historical life of the Thai ethnic community.

Keywords: Culture, costume pattern, folktales, Thai people, Thanh Hoa.

* Ngày nộp bài: 20/05/2025; Ngày gửi phản biện: 19/06/2025; Ngày duyệt đăng: 20/05/2026